

CƠ CHẾ PHÁP LÝ BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

PHẠM TUẤN DOANH*

Thủ tục hành chính được cung cấp mặc định theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình làm thay đổi cách cá nhân tiếp nhận và sử dụng thông tin. Trên cơ sở phân tích pháp luật thực định, bài viết xem xét cơ chế pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận thông tin qua bốn thành tố: cung cấp và cập nhật; tiếp cận và kiểm chứng; trả lời phản ánh, kiến nghị; giám sát gắn với khắc phục và thông báo kết quả; từ đó, đề xuất trách nhiệm cập nhật, quy trình trả lời phản ánh, kiến nghị và cơ chế gắn kết giám sát với khắc phục, thông báo kết quả cho cá nhân.
Từ khóa: Cơ chế pháp lý; quyền tiếp cận thông tin; thủ tục hành chính; môi trường số; phản ánh; kiến nghị.

The shift to fully online administrative procedures changes how individuals receive and use information. Drawing on an analysis of positive law, this article examines legal mechanisms to ensure the right of access to information through four components: information provision and updating; access and verification; responses to feedback and petitions; and oversight linked to remedial measures and notification of outcomes. On that basis, it proposes responsibilities for updating information, procedures for responding to feedback and petitions, and mechanisms linking oversight with remedial measures and notification of outcomes to individuals.

Keywords: Legal mechanisms; right of access to information; administrative procedures; digital environment; feedback; petitions.

NGÀY NHẬN: 06/9/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 02/10/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 19/10/2026

Email: ptdoanh3@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.371.2026.1694>

1. Đặt vấn đề

Quyền tiếp cận thông tin được Hiến pháp ghi nhận và được cụ thể hóa bằng Luật Tiếp cận thông tin. Trong thủ tục hành chính, thông tin giúp cá nhân nhận biết yêu cầu pháp luật, chuẩn bị hồ sơ, lựa chọn phương thức nộp, theo dõi tiến độ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Vì vậy, việc bảo đảm quyền không thể chỉ được đánh giá qua số lượng thông tin đã công khai mà còn cần xem xét

thông tin có đến được với người cần sử dụng, có thể kiểm chứng và được sửa chữa khi phát sinh sai lệch hay không.

Yêu cầu này rõ hơn khi thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường số. Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Chuyển đổi số năm 2025 quy định thủ tục hành chính được

* ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

cung cấp mặc định theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (Quốc hội, 2025); hình thức trực tuyến một phần chỉ áp dụng khi pháp luật có quy định khác hoặc xảy ra sự cố kỹ thuật chưa thể khắc phục kịp thời. Nhiều nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin được đặt trong quan hệ với minh bạch, giải trình, quản trị dữ liệu và quản trị quốc gia (Nguyễn Trung Thành & Nguyễn Thanh Bình, 2026; Lê Thị Thu, 2026; Lê Thị Hoàng Minh & Vũ Công Giao, 2026). Tuy nhiên, đường đi của thông tin qua các giai đoạn giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số chưa được nghiên cứu đầy đủ. Khoảng trống nằm ở quan hệ giữa nghĩa vụ cung cấp, khả năng kiểm chứng, trả lời phản ánh, kiến nghị và khắc phục sai lệch. Trong nhóm công trình này, hai bài đã đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước phân tích quyền tiếp cận thông tin trong quan hệ với quản trị quốc gia (Lê Thị Thu, 2026) và với minh bạch hành chính (Nguyễn Thị Khánh Trang, 2026) ở mức nguyên tắc; vì vậy, trong bài viết đã thu hẹp phạm vi vào quan hệ vận hành cụ thể giữa cung cấp, kiểm chứng, phản ánh và khắc phục thông tin trong một thủ tục hành chính trên môi trường số.

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích cơ chế pháp lý

2.1. Quan niệm về cơ chế pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

Trong lý luận pháp luật, cơ chế là một chỉnh thể gồm các bộ phận có quan hệ với nhau và phương thức tạo ra kết quả, cụ thể, như: tiếp cận pháp luật trong trạng thái vận hành (Hoàng Thị Kim Quế, 2002); nhấn mạnh cấu trúc và phương thức hoạt động của hệ thống (Đỗ Mạc Ngân Doanh, 2017); xác định thể chế, thiết chế, phương pháp hoạt động và điều kiện bảo đảm là các bộ phận của cơ chế pháp lý bảo đảm quyền (Đặng Viết Đạt, 2020). Vì vậy, cơ chế pháp lý không đồng nhất với danh mục văn bản mà còn bao gồm chủ thể, trình tự và kết quả pháp lý.

Do đó, cơ chế pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trong thủ tục hành chính trên môi trường số được hiểu là chỉnh thể

gồm quy phạm pháp luật, chủ thể có trách nhiệm, trình tự thực hiện, điều kiện pháp lý và kỹ thuật, cùng hệ quả pháp lý. Các bộ phận này phải được liên kết để chuyển nghĩa vụ cung cấp thông tin thành khả năng tiếp cận, kiểm chứng và sử dụng thông tin của cá nhân. Vì vậy, cơ chế được đánh giá từ khả năng thực thi quyền, không chỉ từ hành vi đăng tải thông tin.

Quyền tiếp cận thông tin là quyền được bảo đảm; công khai, cung cấp theo yêu cầu, giải trình, trả lời phản ánh, kiến nghị, giám sát và khắc phục là các phương thức bảo đảm. Minh bạch và trách nhiệm giải trình có quan hệ với quyền tiếp cận thông tin nhưng không đồng nhất. Trách nhiệm giải trình bao gồm cung cấp thông tin, giải thích và khả năng chịu hậu quả (Bovens, M., 2007). Minh bạch hành chính gắn với công khai, giám sát và trách nhiệm pháp lý (Nguyễn Thị Khánh Trang, 2026).

2.2. Bốn thành tố và ba quan hệ liên kết của cơ chế

Khoản 5 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 xác định cung cấp thông tin bao gồm việc cơ quan, đơn vị công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân (Quốc hội, 2026). Trong thủ tục hành chính trên môi trường số, tác giả xem xét bốn thành tố sau: (1) Nghĩa vụ cung cấp và cập nhật thông tin, gồm loại thông tin, chủ thể chịu trách nhiệm, thời điểm cung cấp và thời hạn cập nhật. Nếu thông tin chưa được tạo lập hoặc đưa vào kênh hợp pháp, cá nhân không thể thực hiện quyền. (2) Điều kiện tiếp cận và kiểm chứng. Thông tin phải dễ tìm kiếm, hiển thị nhất quán, truy xuất ổn định và có thể đối chiếu với hồ sơ hoặc quyết định liên quan. Yêu cầu kỹ thuật chỉ được xem xét khi pháp luật ghi nhận hoặc cần xác lập để bảo đảm quyền. (3) Tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị. Khi thông tin thiếu, chậm hoặc không thống nhất, cá nhân cần biết cơ quan tiếp nhận, thời hạn, trạng thái xử lý và nội dung trả lời để tiếp tục thủ tục. (4) Giám sát gắn với khắc phục và thông báo kết quả. Khi phát hiện hồ sơ quá hạn hoặc dữ liệu sai lệch,

kết quả giám sát phải dẫn đến xác định chủ thể xử lý, biện pháp sửa chữa và thông báo cho cá nhân. Hệ quả pháp lý gồm nghĩa vụ khắc phục, giải trình và đánh giá việc thực hiện công vụ; xử phạt chỉ đặt ra khi có đủ căn cứ.

Bốn thành tố vận hành thông qua ba quan hệ liên kết: (1) Quan hệ chuyển nghĩa vụ cung cấp thành thông tin có thể tiếp cận và kiểm chứng; (2) Quan hệ chuyển kết quả tiếp cận thành khả năng phản ánh, kiến nghị và nhận câu trả lời; (3) Quan hệ chuyển phản ánh, kiến nghị và kết quả giám sát thành hành động khắc phục có thể theo dõi. Cơ chế khép kín về phương diện pháp lý khi trách nhiệm được xác lập từ cung cấp thông tin đến thông báo kết quả khắc phục.

2.3. Ba quan hệ liên kết chưa hoàn chỉnh trong pháp luật hiện hành

Một là, từ nghĩa vụ cung cấp đến khả năng tiếp cận và kiểm chứng. Điều 25 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ghi nhận quyền tiếp cận thông tin của công dân (Quốc hội, 2013, 2025); *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2026 quy định trách nhiệm công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ điều chỉnh việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng (Chính phủ, 2022). Điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ yêu cầu bộ phận một cửa công khai kịp thời, đầy đủ danh mục, nội dung thủ tục thuộc thẩm quyền và hỗ trợ tổ chức, cá nhân gặp khó khăn khi tiếp cận thông tin điện tử... (Chính phủ, 2025).

Luật Chuyển đổi số năm 2025 yêu cầu hướng dẫn người dân, công khai quy trình, thời hạn và kết quả xử lý; đồng thời quy định liên thông dữ liệu, giám sát chất lượng theo thời gian thực, xử lý sự cố và khả năng tiếp cận dịch vụ. Tại Điều 6 Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ quy định các tiêu chí đối với quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục, việc tái cấu trúc quy trình dựa trên dữ liệu, mức độ sẵn sàng của dữ liệu và hạ tầng, yêu cầu kỹ thuật, kiểm thử kỹ thuật và trải nghiệm người dùng

(Chính phủ, 2026b). Đây là những điều kiện trực tiếp để cá nhân tiếp cận thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục. Mặc dù Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của thông tin; xử lý thông tin đã công khai không chính xác; lập và cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai (Chính phủ, 2026c); tuy nhiên, các quy định này chưa liên kết việc sửa thông tin công khai với trạng thái của hồ sơ đang được giải quyết. Sai lệch phát sinh trong một thủ tục cụ thể cần được kiểm tra và sửa ngay trong quy trình đó.

Hai là, từ tiếp cận và kiểm chứng đến phản ánh, kiến nghị và trả lời. Điều 4 Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 quy định trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị và chuyển ý kiến giải trình đến tổ chức, cá nhân (Chính phủ, 2026a). Các quy định này tạo cơ sở để cá nhân phản ánh sai lệch phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục. Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy trình phân loại thống nhất giữa phản ánh về thông tin, sự cố kỹ thuật, kiến nghị về quy định và khiếu nại đối với quyết định hoặc hành vi hành chính. Các vấn đề có thể xuất hiện trên cùng giao diện nhưng thuộc thẩm quyền và thời hạn xử lý khác nhau. Thiếu hướng dẫn hoặc cơ chế chuyển đúng đầu mối có thể làm nội dung đi sai kênh pháp lý. Ngoài ra, phản ánh về trạng thái hoặc yêu cầu bổ sung chưa được liên kết đầy đủ với mã hồ sơ, thời điểm phát sinh và đơn vị xử lý...

Ba là, từ phản ánh, kiến nghị và giám sát đến khắc phục, thông báo kết quả. Khoản 2 Điều 34 *Luật Chuyển đổi số* năm 2025 quy định trách nhiệm xử lý kịp thời lỗi kỹ thuật, vấn đề phát sinh và công khai kết quả cải thiện chất lượng dịch vụ; khoản 2 Điều 35 yêu cầu cơ quan thực hiện dịch vụ công trực tuyến tiếp nhận, xử lý phản ánh và có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong cơ chế một cửa, khoản 4 Điều 4 và điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP quy định việc đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá quá

trình giải quyết thủ tục hành chính và tiến độ giải quyết hồ sơ; khoản 3 Điều 12 Nghị định số 309/2026/NĐ-CP bổ sung điểm h khoản 2 Điều 35 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, qua đó, xác lập chức năng cảnh báo sớm đối với tình trạng chậm xử lý hồ sơ, tồn đọng và vi phạm thời hạn. Pháp luật chưa quy định rõ cách đối chiếu hai nguồn thông tin, chủ thể quyết định sửa chữa và thời điểm kết thúc xử lý. Khi hồ sơ quá hạn, người nộp vẫn cần được thông báo nguyên nhân, thời hạn mới và biện pháp bảo vệ quyền lợi. Vì vậy, biện pháp khắc phục trong xử phạt vi phạm hành chính hoặc chế tài hợp đồng (có thể gồm sửa thông tin, cập nhật trạng thái, điều chỉnh hướng dẫn hoặc quá trình xử lý hồ sơ).

Trong quan hệ liên kết thứ ba, đòi hỏi căn cứ kích hoạt việc kiểm tra, chủ thể và thời hạn khắc phục, cùng nghĩa vụ thông báo kết quả. Nếu thiếu nghĩa vụ thông báo, cơ quan có thể đã xử lý nội bộ nhưng cá nhân không biết hồ sơ đã được điều chỉnh hay chưa. Việc lưu vết kết quả khắc phục còn giúp nhận diện lỗi lặp lại trong hướng dẫn, cấu hình hệ thống hoặc cách tổ chức thực hiện. Nếu dữ liệu này không được kết nối với hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, kinh nghiệm xử lý từng vụ việc khó chuyển thành cải tiến chung.

3. Hoàn thiện các quan hệ liên kết của cơ chế pháp lý

Thứ nhất, xác lập trách nhiệm bảo đảm tính thống nhất và khả năng kiểm chứng của thông tin. Trong đó, cần cụ thể hóa trách nhiệm cập nhật đồng bộ khi thủ tục hành chính được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Phạm vi cập nhật gồm cơ sở dữ liệu thủ tục, giao diện dịch vụ công, biểu mẫu điện tử, hướng dẫn và thông báo tự động. Thời hạn được tính từ khi thay đổi có hiệu lực hoặc cơ quan có trách nhiệm nhận được dữ liệu chuẩn hóa. Đầu mỗi cập nhật phải kiểm tra kết quả hiển thị trên kênh cá nhân sử dụng.

Đối với hồ sơ cụ thể, cần xác định nội dung tối thiểu của từng trạng thái: thời điểm cập nhật, công đoạn, bộ phận chịu trách nhiệm, thời hạn còn lại và hành động người

nộp cần thực hiện. Nội dung này có thể được chuẩn hóa theo nhóm thủ tục và yêu cầu bảo vệ thông tin cá nhân. Dữ liệu nội bộ không nhất thiết phải công khai nhưng thông tin hiển thị phải đủ để người sử dụng hiểu tình trạng pháp lý của hồ sơ.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật cần được triển khai cùng tiêu chí pháp lý về tính chính xác, kịp thời và khả năng truy vết. Việc kiểm thủ phải đối chiếu căn cứ pháp lý, dữ liệu thủ tục và thông tin hiển thị. Cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm soát thủ tục hành chính cần phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn để rà soát theo Điều 8 Nghị định số 310/2026/NĐ-CP.

Thứ hai, tổ chức quy trình trả lời phản ánh, kiến nghị gắn với hồ sơ và có thể theo dõi. Theo đó, thiết kế quy trình thống nhất để xử lý phản ánh, kiến nghị từ hồ sơ điện tử. Giao diện tra cứu phải cho phép gửi phản ánh gắn với mã hồ sơ và trạng thái liên quan. Nếu nội dung thuộc kênh khác, cơ quan tiếp nhận phải chuyển đúng đầu mối. Quy trình cần xác định thời hạn xác nhận, phân loại, trả lời và trường hợp gia hạn; trạng thái xử lý phải có thể tra cứu. Khi chuyển đầu mối, hệ thống phải thông báo nơi tiếp nhận và thời hạn tiếp theo. Các yêu cầu này có thể được tích hợp vào Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. Trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, báo cáo và chuyển ý kiến giải trình được quy định tại Điều 4 Nghị định số 309/2026/NĐ-CP.

Thứ ba, gắn kết quả giám sát với khắc phục và thông báo cho cá nhân. Quy trình phải xác định chủ thể kiểm tra, quyết định biện pháp và theo dõi việc hoàn thành. Kết quả được lưu cùng dữ liệu hồ sơ hoặc mã phản ánh để bảo đảm khả năng truy vết. Biện pháp khắc phục cần phù hợp với loại sai lệch. Đối với thông tin chung, cơ quan có trách nhiệm phải sửa và đồng bộ nội dung trên các kênh liên quan. Đối với hồ sơ cụ thể, cơ quan cần cập nhật trạng thái, điều chỉnh quá trình xử lý hoặc thực hiện lại công đoạn bị ảnh hưởng. Đối với lỗi hệ thống, cơ quan nhà nước phải có biện pháp khắc phục,

hướng dẫn phương án thay thế khi xảy ra sự cố và công khai kết quả cải thiện chất lượng dịch vụ theo khoản 2 Điều 34 *Luật Chuyển đổi số* năm 2025.

Thông báo kết quả cho cá nhân phải là bước kết thúc của quá trình khắc phục, nêu nội dung đã kiểm tra, biện pháp đã thực hiện và tình trạng hồ sơ. Nếu thời hạn hoặc yêu cầu của thủ tục thay đổi, cá nhân phải được thông báo rõ. Bên cạnh đó, dữ liệu phản ánh và khắc phục cần được tổng hợp để nhận diện lỗi lặp lại, sửa hướng dẫn và điều chỉnh quy trình.

4. Kết luận

Pháp luật hiện hành đã quy định nghĩa vụ cung cấp, điều kiện tiếp cận, kênh phản ánh và công cụ giám sát. Tuy nhiên, hạn chế nằm ở trách nhiệm và trình tự kết nối các nhóm quy định: đầu mối bảo đảm sự thống nhất của thông tin, cách liên kết phản ánh với hồ sơ và nghĩa vụ thông báo sau khắc phục chưa được xác định đầy đủ. Vì vậy, chỉ ra khung bốn thành tố và ba quan hệ liên kết cho phép đánh giá cơ chế trong quá trình vận hành, từ đó triển khai lưu vết phản ánh, xử lý, thông báo kết quả tạo căn cứ bảo vệ quyền và nhận diện sai lệch lặp lại, bài viết kiến nghị hoàn thiện các quan hệ liên kết của cơ chế pháp lý, trong đó nhấn mạnh khả năng vận hành còn cần được kiểm chứng qua hồ sơ hành chính và thực tiễn tổ chức hệ thống thông tin.

Tài liệu tham khảo:

- Bovens, M. (2007). *Analysing and Assessing Accountability: A Conceptual Framework*. European Law Journal, 13(4), pp. 447-468.
- Chính phủ (2022). *Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng*.
- Chính phủ (2025). *Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia*.
- Chính phủ (2026a). *Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ*

công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP.

Chính phủ (2026b). *Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP*.

Chính phủ (2026c). *Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin*.

Đặng Viết Đạt (2020). *Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận công lý của nạn nhân nữ bị xâm hại tình dục: thực tiễn và một số vấn đề đặt ra ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số 65, tr. 32-38.

Đỗ Mạc Ngân Doanh (2017). *Cơ chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào, số 5, tr. 119-124.

Hoàng Thị Kim Quế (2002). *Cơ chế điều chỉnh pháp luật và cơ chế điều chỉnh xã hội*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, Tập XVIII, số 3, tr. 10-18.

Lê Thị Thu (2026). *Thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại*. Tạp chí Quản lý nhà nước, (363), 49-54. <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1476>

Lê Thị Hoàng Minh và Vũ Công Giao (2026). *Quản trị quốc gia gắn với phát triển xã hội số ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật*. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, kỳ 1, số 444.

Nguyễn Thị Khánh Trang (2026). *Cơ chế pháp lý bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước*. Tạp chí Quản lý nhà nước, 33(366), 53-58. <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1577>.

Nguyễn Trung Thành & Nguyễn Thanh Bình (2026). *Hoàn thiện pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: những bước tiến, giới hạn và vấn đề đặt ra từ Luật năm 2016 đến Luật sửa đổi năm 2026*. Tạp chí Việt Nam Hội nhập, số 386, tr. 116-124.

Quốc hội (2025). *Luật Chuyển đổi số* năm 2025.

Quốc hội (2026). *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2026.

Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).